

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1275/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện năm 2022 dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh” (BIIG2)**

### **ỦY BAN NHÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Hiệp định vay ký ngày 23/7/2018 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (“Bên Vay”) và Ngân hàng phát triển Châu Á (“ADB”);*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị” (BIIG2), vay vốn ADB;*

*Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Văn kiện dự án; Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự án BIIG2, vốn vay ADB;*

*Căn cứ Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh – BIIG2;*

*Căn cứ Quyết định số 4290/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn vay lại năm 2022 cho các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;*

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh tại Văn bản số 65/TTr-DDCN ngày 12/5/2022, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 157/TTr-SKHĐT ngày 24/5/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện năm 2022 dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh” (BIIG2), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung kế hoạch thực hiện:

1.1. Các nội dung sử dụng vốn ODA:

- Triển khai thi công thực hiện hợp phần 1 và hợp phần 2 của dự án, cụ thể:

+ Tiếp tục triển khai thi công 8 gói thầu xây lắp công trình hạ tầng giao thông (bao gồm cả phần bổ sung), trong đó năm 2022 sẽ hoàn thành 06 gói thầu xây lắp gồm: Đường liên xã Kỳ Đông - Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh (phần bổ sung); đường bao phía Tây trường Trung học cơ sở Lê Văn Thiêm, thành phố Hà Tĩnh (phần bổ sung); đường liên xã Sơn Lễ - Sơn An - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn; đường liên huyện Can Lộc - Hương Khê; đường liên huyện Can Lộc - Lộc Hà; đường huyện lộ 6, huyện Hương Khê.

+ Tiếp tục triển khai thi công và hoàn thành 03 công trình phục vụ hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh: Nhà máy cung cấp nước sinh hoạt cho 09 xã thuộc huyện Lộc Hà, Can Lộc (dự án đại diện); Nâng cấp nội khu phục vụ phát triển sản xuất, nuôi trồng thủy sản huyện Lộc Hà, Thạch Hà; hạ tầng tiểu khu phục vụ phát triển vùng trồng cây ăn quả Lộc Yên, huyện Hương Khê.

- Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hàng năm.

1.2. Các nội dung sử dụng vốn đối ứng:

- Thực hiện tái diễn định kỳ (chi phí QLDA dự án) để chi thường xuyên, chi không thường xuyên cho các hoạt động tại Ban Quản lý dự án.

- Thực hiện chi hỗ trợ GPMB cho các công trình.

- Thanh toán một số chi phí khác (chi phí thẩm tra, thẩm định, rà phá bom mìn.....)

- Thanh toán công nợ/chi phí bổ sung về tư vấn thiết kế cho các công trình.

- Thực hiện một số nội dung của hợp phần 3 của dự án – Hạ tầng quản lý chuyên nghiệp.

- Thực hiện đào tạo chính sách an toàn cho các địa phương hưởng lợi từ dự án.

2. Kinh phí thực hiện.

- Tổng kinh phí thực hiện: 280.366,90 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn ODA: 211.915,84 triệu đồng (gồm: vốn cấp phát từ NSTW: 109.409,23 triệu đồng; vốn vay lại: 102.506,61 triệu đồng);

+ Nguồn vốn đối ứng: 68.451,06 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương 60.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh 8.451,06 triệu đồng).

- Nguồn vốn: nguồn vốn nước ngoài; nguồn vốn đối ứng ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh năm 2022.


*(Chi tiết như phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư) tổ chức triển khai dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đảm bảo theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý ODA.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- NHPT Châu Á tại Việt Nam;
- TTtr UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Trọng Hải**

**Phụ lục:**  
**Kế hoạch thực hiện năm 2022 dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh” (BIIG2)**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

ĐVT: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Kế hoạch thực hiện năm 2022			Ghi chú
		Tổng	Nguồn ODA	Nguồn đối ứng	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>280.366.908.109</b>	<b>211.915.844.843</b>	<b>68.451.063.267</b>	
<b>A</b>	<b>Các nội dung sử dụng vốn ODA</b>	<b>249.823.377.988</b>	<b>211.915.844.843</b>	<b>37.907.533.146</b>	
<b>I</b>	<b>Thi công các công trình</b>	<b>249.684.777.988</b>	<b>211.789.844.843</b>	<b>37.894.933.146</b>	
(1)	<b>Đường liên xã Kỳ Đồng - Kỳ Trung</b>	<b>10.431.455.279</b>	<b>9.374.050.254</b>	<b>1.057.405.025</b>	
1	Chi phí xây dựng 1	10.107.705.472	9.079.732.247	1.027.973.225	
2	Tư vấn giám sát	323.749.807	294.318.006	29.431.801	
(2)	<b>Đường bao phía Tây trường THCS Lê Văn Thiêm, thành phố Hà Tĩnh</b>	<b>6.853.393.432</b>	<b>5.580.412.727</b>	<b>1.272.980.705</b>	
1	Chi phí xây dựng	6.658.537.432	5.403.270.909	1.255.266.523	
2	Tư vấn giám sát	194.856.000	177.141.818	17.714.182	
(3)	<b>Đường liên xã Sơn An - Sơn Lễ - Sơn Tiên, huyện Hương Sơn</b>	<b>42.176.332.509</b>	<b>37.720.302.281</b>	<b>4.456.030.228</b>	
1	Chi phí xây dựng	41.039.894.509	36.750.813.190	4.289.081.319	
2	Tư vấn giám sát	1.136.438.000	969.489.091	166.948.909	
(4)	<b>Đường liên huyện Can Lộc - Hương Khê</b>	<b>33.509.068.338</b>	<b>26.670.592.983</b>	<b>6.838.475.355</b>	
1	Chi phí xây dựng	32.794.895.429	26.021.344.884	6.773.550.545	
2	Tư vấn giám sát	714.172.909	649.248.099	64.924.810	
(5)	<b>Đường liên huyện Can Lộc - Lộc Hà</b>	<b>32.129.087.704</b>	<b>26.990.897.913</b>	<b>5.138.189.791</b>	
1	Chi phí xây dựng	30.929.087.704	25.899.988.822	5.029.098.882	
2	Tư vấn giám sát	1.200.000.000	1.090.909.091	109.090.909	
(6)	<b>Đường Huyện lộ 6 - Hương Khê</b>	<b>20.104.512.252</b>	<b>17.002.758.872</b>	<b>3.101.753.380</b>	

1	Chi phí xây dựng	19.288.360.434	16.260.802.674	3.027.557.760	
2	Tư vấn giám sát	816.151.818	741.956.198	74.195.620	
<b>(7)</b>	<b>Đường An Viên Mỹ Thành</b>	<b>49.746.606.943</b>	<b>43.636.006.312</b>	<b>6.110.600.631</b>	
1	Chi phí xây dựng	48.743.140.761	42.723.764.328	6.019.376.433	
2	Tư vấn giám sát	1.003.466.182	912.241.983	91.224.198	
<b>(8)</b>	<b>Đường trục chính thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1)</b>	<b>12.221.136.324</b>	<b>11.380.816.324</b>	<b>840.320.000</b>	
1	Chi phí xây dựng	12.122.951.924	11.323.541.015	799.410.909	
2	Tư vấn giám sát	98.184.400	57.275.309	40.909.091	
<b>(9)</b>	<b>Nước sạch cho một số xã thuộc huyện Lộc Hà, Can Lộc</b>	<b>30.704.493.400</b>	<b>24.490.382.513</b>	<b>6.214.110.887</b>	
1	Chi phí xây dựng	29.685.667.400	23.564.177.058	6.121.490.342	
	<i>Chi phí xây dựng gói 1</i>	<i>6.542.566.023</i>	<i>5.560.696.136</i>	<i>981.869.887</i>	
	<i>Chi phí xây dựng gói 2</i>	<i>23.143.101.377</i>	<i>18.003.480.922</i>	<i>5.139.620.455</i>	
2	Tư vấn giám sát	1.018.826.000	926.205.455	92.620.545	
<b>(10)</b>	<b>Hạ tầng phục vụ phát triển vùng cây ăn quả xã Lộc Yên, huyện Hương Khê</b>	<b>4.123.076.840</b>	<b>2.282.153.699</b>	<b>1.840.923.141</b>	
1	Chi phí xây dựng	3.805.978.840	1.993.882.790	1.812.096.050	
2	Tư vấn giám sát	317.098.000	288.270.909	28.827.091	
<b>(11)</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>	<b>7.685.614.967</b>	<b>6.661.470.965</b>	<b>1.024.144.002</b>	
1	Chi phí xây dựng	7.410.766.967	6.411.609.146	999.157.821	
2	Tư vấn giám sát	274.848.000	249.861.818	24.986.182	
<b>II</b>	<b>Kiểm toán độc lập, báo cáo tài chính hàng năm</b>	<b>138.600.000</b>	<b>126.000.000</b>	<b>12.600.000</b>	
<b>B</b>	<b>Các nội dung sử dụng vốn đối ứng</b>	<b>30.543.530.121</b>	<b>-</b>	<b>30.543.530.121</b>	

I	Chi phí QLDA	5.535.530.121	0	5.535.530.121	Theo QĐ 59/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của BQL dự án
II	Chi phí GPMB (Nguồn NS tỉnh +NSTW hỗ trợ)	23.367.000.000	0	23.367.000.000	
III	Chi phí khác	500.000.000	0	500.000.000	Chi phí thăm tra, thăm định, rà phá bom mìn...
IV	Tư vấn thiết kế	500.000.000	0	500.000.000	
V	Tập huấn	441.000.000	0	441.000.000	
VI	Quản lý hạ tầng chuyên nghiệp	200.000.000	0	200.000.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*[Handwritten signature]*